TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-ST
Ngày 24-6-2025
Vv tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số A, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: A T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C và Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 3 năm 2025 của ông Nguyễn Hoàng Nhất N – Giám đốc Phòng giao dịch huyện C); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Quang K, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Thị P, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/5/2017 thì ông Trần Quang K và bà Lê Thị P đề nghị Phòng giao dịch NHCXSXH huyện C cho vay số tiền 12.000.000 đồng,

để bắt nước sạch và xây nhà vệ sinh theo Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Sau khi có kết quả phê duyệt, ngày 07/6/2017 ông Trần Quang K và bà Lê Thị P được Phòng giao dịch NHCSXH huyện C giải ngân cho vay số tiền 12.000.000 đồng; Lãi suất cho vay 0,75%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/6/2022.

Đến ngày 10/3/2025 ông Trần Quang K và bà Lê Thị P đã trả nợ gốc số tiền 136.718 đồng và trả tiền lãi 8.323.511 đồng cho Phòng C huyện. Như vậy, tính đến hết ngày 10/3/2025 ông Trần Quang K và bà Lê Thị P còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 11.540.331 đồng trong đó nợ gốc 11.063.282 đồng và nợ lãi là 477.049 đồng.

Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/11/2018 thì ông Trần Quang K và bà Lê Thị P đề nghị Phòng giao dịch NHCSXH huyện C cho vay số tiền 25.000.000 đồng, để chăn nuôi bò sinh sản, theo Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Sau khi có kết quả phê duyệt, ngày 07/12/2018 ông Trần Quang K và bà Lê Thị P được Phòng giao dịch NHCSXH huyện C giải ngân cho vay số tiền 25.000.000 đồng; Lãi suất cho vay 6,6%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/12/2022.

Đến ngày 10/3/2025 ông Trần Quang K và bà Lê Thị P chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi 10.258.475 đồng cho Phòng C huyện. Như vậy, tính đến hết ngày 10/3/2025 ông Trần Quang K và bà Lê Thị P còn nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện C số tiền tổng cộng là 25.158.189 đồng trong đó nợ gốc 24.400.000 đồng và nợ lãi 758.189 đồng.

Tổng cộng 02 khoản vay ông Trần Quang K và bà Lê Thị P còn nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện C số tiền tổng cộng là 36.698.520 đồng trong đó nợ gốc 35.463.282 đồng và nợ lãi là 1.235.238 đồng.

Trong thời gian vay tiền hộ gia đình ông K và bà P không thực hiện đúng cam kết trả nợ gốc, trả lãi vay.

Do đó, Phòng giao dịch NHCSXH huyện C đề nghị Toà án buộc ông K và bà P phải thanh toán cho Ngân hàng C tính đến ngày 10/3/2025 với tổng số tiền 37.105.268 đồng trong đó nợ gốc 36.863.282 đồng, nợ lãi 241.986 đồng và tiền lãi phát sinh mới được tính theo quy định cho Phòng C huyện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Quang K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng C yêu cầu ông Trần Quang K, bà Lê Thị P trả nợ vay là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông K cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Quang K, bà Lê Thị P vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà P.

[3] Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K, bà P không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng C cung cấp để giải quyết vụ án. Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/5/2017 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/11/2018, ông K có ký vay vốn tại Phòng C huyện T. Giấy vay vốn này được xác lập giữa ông K và Phòng giao dịch. Tại các giấy đề nghị gia hạn nợ, UBND xã P có xác nhận về các khoản nợ còn lại của ông K. Như vậy, việc vay nợ của ông K là có thật.

[4] Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/5/2017, ông Trần Quang K vay số tiền 12.000.000 đồng, để bắt nước sạch và xây nhà vệ sinh. Ngày 07/6/2017, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C giải ngân cho vay số tiền 12.000.000 đồng; lãi suất cho vay 0,75%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Ông K đã trả được nợ gốc số tiền 136.718 đồng và trả tiền lãi 8.323.511 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 24/6/2025 ông Trần Quang K còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 11.540.331 đồng trong đó nợ gốc 11.063.282 đồng và nợ lãi là 477.049 đồng.

[5] Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/11/2018, ông Trần Quang K vay số tiền 25.000.000 đồng, để chăn nuôi bò sinh sản. Ngày 07/12/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C giải ngân cho vay số tiền 25.000.000 đồng; lãi suất cho vay 6,6%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Ông K và bà Lê Thị P chưa trả nợ gốc và đã trả tiền lãi 10.258.475 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 24/6/2025 ông Trần Quang K còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền tổng cộng là 25.158.189 đồng trong đó nợ gốc 24.400.000 đồng và nợ lãi 758.189 đồng.

[6] Xét yêu cầu trả nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bà P không ký tên trong Giấy đề nghị vay vốn nhưng ngày 26 tháng 5 năm 2017, bà P có ủy quyền cho ông K để thực hiện việc vay vốn. Ông K vay để sử dụng vốn phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, bà P có nghĩa vụ cùng ông K trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do ông K, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông K, bà P trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/5/2017 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/11/2018 cho Ngân hàng như Ngân hàng yêu cầu. Ngoài ra, ông K, bà P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi hết nợ.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, 26

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông K sinh năm 1965 nhưng không rõ ngày tháng sinh và không có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên ông vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng C được chấp nhận nên ông K, bà P phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ của mình phải thực hiện là 36.698.520 đồng x 5% = 1.834.926 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông ông Trần Quang K, bà Lê Thị P trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền 36.698.520 (ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn năm trăm hai mươi) đồng, trong đó.

Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/5/2017 là 11.063.282 (mười một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm tám mươi hai) đồng, nợ lãi là 477.049 (bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi chín) đồng, tổng cộng là 11.540.331 (mười một triệu năm trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi mốt) đồng.

Nợ gốc theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/11/2018 là 24.400.000 (hai mươi bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng, nợ lãi 758.189 (bảy trăm năm mươi tám nghìn một trăm tám mươi chín) đồng, tổng cộng 25.158.189 (hai mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn một trăm tám mươi chín) đồng

Kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của từng khoản vay theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 20/5/2017 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 01/11/2018 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Ông Trần Quang K, bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.834.926 (một triệu tám trăm ba mươi tư nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành

án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu